

các đối tượng được kiểm dịch hoặc kiểm soát nhiệm vụ thi hành những biện pháp vệ sinh cần thiết do Bộ Y tế quy định. Trường hợp đặc biệt có những bệnh truyền nhiễm kiểm dịch đang lan mạnh ở trong nước hoặc ở ngoài nước, cần đề ra những biện pháp đặc biệt như cấm ra vào biên giới, cấm xuất nhập hàng hóa qua những khu vực nhất định, phong tỏa vùng có dịch, v.v... thì cơ quan kiểm dịch phải báo cáo lên Bộ Y tế quyết định.

Điều 7. — Khi ở một nước láng giềng có phát sinh bệnh dịch hạch thể phổi và có triệu chứng là bệnh này đã truyền sang nước Việt nam dân chủ cộng hòa, thì Ủy ban hành chính tỉnh biên giới (Ủy ban hành chính Khu đối với Khu Tự trị Thái, Mèo), theo đề nghị của cơ quan kiểm dịch, có thể ra lệnh tạm thời cấm ra vào biên giới trong một khu vực nhất định, nhưng phải báo cáo ngay lên Bộ Y tế xét duyệt.

Điều 8. — Trong khi làm nhiệm vụ kiểm dịch, các cán bộ kiểm dịch phải mang theo chứng minh thư và mang trang phục kiểm dịch có phù hiệu riêng.

Những tàu xe của cơ quan kiểm dịch khi làm việc phải treo cờ kiểm dịch.

Những trang phục, phù hiệu, cờ kiểm dịch do Bộ Y tế quy định.

Điều 9. — Bộ Y tế có trách nhiệm ban hành điều lệ quy định chi tiết thể lệ kiểm dịch, thể lệ thông báo tình hình dịch, hệ thống tổ chức, quyền hạn nhiệm vụ và lề lối làm việc của các cơ quan kiểm dịch.

Điều 10. — Khi cơ quan kiểm dịch làm nhiệm vụ ở nơi nào thì những cơ quan có liên hệ công tác ở nơi đó như Hải quan, Công an, Giao thông, Đường sắt, Cảng vụ, Hàng không dân dụng, v.v... có nhiệm vụ hợp tác và giúp đỡ phương tiện cần thiết cho cơ quan kiểm dịch; những người phụ trách các đối tượng kiểm dịch phải hết sức giúp đỡ cơ quan kiểm dịch làm nhiệm vụ.

Điều 11. — Đối với những người vi phạm nghị định này, vi phạm điều lệ kiểm dịch hoặc không tuân hành những mệnh lệnh của cơ quan kiểm dịch thì cơ quan kiểm dịch có thể tùy theo lỗi nhẹ hay là nặng mà phê bình, cảnh cáo, không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch, không cho phép ra, vào, không cho lưu lại trên đất nước Việt nam dân chủ cộng hòa hay là phạt tiền từ mười nghìn đồng (10.000) đến một triệu đồng (1.000.000 đồng).

Trường hợp tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng có phương hại lớn đến vệ sinh chung hoặc gây thiệt hại đến tính mạng tài sản của nhân dân cơ quan kiểm dịch có thể đưa can phạm ra truy tố trước tòa án.

Điều 12. — Đối với mệnh lệnh hoặc quyết định của cơ quan kiểm dịch nếu có những điểm đương sự không đồng ý thì trong thời hạn mười ngày kể từ ngày được tổng đạt mệnh lệnh hoặc quyết định đó, đương sự có quyền đề nghị lên Bộ Y tế xét lại. Trong khi chờ đợi quyết định của Bộ Y tế, đương sự vẫn phải thi hành mệnh lệnh hoặc quyết định của cơ quan kiểm dịch.

Điều 13. — Ông Bộ trưởng Bộ Y tế và các Ủy ban hành chính, khu, tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 19 tháng 5 năm 1953

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

NGHỊ ĐỊNH số 106-NV ngày 4-4-1953
ban hành bản điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản áp dụng ở các vùng dân tộc ít người.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Thi hành điều 33 của bản điều lệ đăng ký hộ tịch mới (Nghị định của Thủ tướng phủ số 764-TTg ngày 8-5-1956) giao cho Bộ Nội vụ quy định những điểm cần chăm chú về thủ tục đăng ký hộ tịch ở vùng dân tộc ít người.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành bản điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản áp dụng ở các vùng dân tộc ít người kể dưới đây:

- Khu Tự trị Thái — Mèo,
- Khu Tự trị Việt bắc,
- Đặc khu Lao — Hà — Yên,
- Tỉnh Hải Ninh,
- Tỉnh Hòa bình,

— và những huyện miền núi của Khu Hồng Quảng và của các tỉnh Thanh hóa, Nghệ an, Quảng bình. Những huyện này do Ủy ban Hành chính Khu Hồng Quảng và Ủy ban Hành chính Khu 4 quy định cụ thể và báo cáo cho Bộ biết.

Điều 2. — Các thị xã trong khu Tự trị Thái — Mèo, Khu Tự trị Việt bắc, Đặc khu Lao — Hà — Yên, Khu Hồng Quảng, tỉnh Hải Ninh, tỉnh Hòa bình vẫn áp dụng theo bản điều lệ đăng ký hộ tịch chung do nghị định của Thủ tướng phủ số 764-TTg ngày 8-5-1956 ban hành.

Điều 3. — Ủy ban Hành chính Khu, các tỉnh nói trong điều 1 và ông Giám đốc Vụ Dân chính Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 4 tháng 4 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

TÔ QUANG ĐẦU

ĐIỀU LỆ

KHAI SINH, KHAI TỬ, KHAI KẾT HÔN TẠI VÙNG DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

Khai báo và xin đăng ký những việc sinh, tử, kết hôn là phù hợp với lợi ích riêng của mọi người và lợi ích chung của Nhà nước. Nhân dân sẽ có những giấy tờ chứng minh tên tuổi, quan hệ gia đình để dùng trong nhiều trường hợp cần thiết, như bầu cử, ứng cử, thừa kế, xin cho con em đi học, đi thi v.v... Nhà nước sẽ biết được mức lên xuống của dân số làm căn cứ xây dựng kế hoạch Nhà nước và theo dõi một số hiện tượng xã hội không bình thường như tảo hôn, chết non v.v... để có chủ trương, kế hoạch giải quyết.

Bản điều lệ đăng ký hộ tịch này quy định thể thức khai báo đăng ký một cách đơn giản, thích hợp với trình độ, phong tục, tập quán của nhân dân miền núi.

Vi những lợi ích nói trên, khi có sinh, tử, kết hôn nhân dân cần phải khai báo và đăng ký đúng theo những điều dưới đây :

MỤC I : KHAI SINH

Điều 1. — Khi sinh, phải khai với trưởng xóm để trưởng xóm đến Ủy ban hành chính xã xin đăng ký trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày sinh.

Trường hợp ở gần trụ sở Ủy ban hành chính xã, nên trực tiếp đến khai và xin đăng ký với Ủy ban hành chính xã trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày sinh.

Điều 2. — Người đứng khai là cha hay mẹ của đứa trẻ hay có thể là một trong những người sau đây : ông, bà nội ngoại, cô, cậu, chú, bác, anh, chị ruột của đứa trẻ, người láng giềng.

Trường hợp người láng giềng đứng khai thì phải có một người làm chứng hay một giấy chứng nhận việc sinh để do trưởng xóm cấp.

Khi khai sinh phải khai tên họ, tuổi, nghề nghiệp, quốc tịch của người cha, người mẹ và ngày, tháng, năm sinh ; tên họ của đứa trẻ.

MỤC II : KHAI TỬ

Điều 3. — Khi có người chết (bất cứ người lớn hay trẻ con) trước khi chôn cất, phải báo cho trưởng xóm biết để trưởng xóm đến Ủy ban hành chính xã xin đăng ký trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày chết.

Trường hợp ở gần trụ sở Ủy ban hành chính xã, nên trực tiếp đến báo và xin đăng ký với Ủy ban hành chính xã trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày chết.

Điều 4. — Người đứng khai là thân nhân hay người láng giềng.

Điều 5. — Khi có người chết vô thừa nhận trưởng xóm hoặc công an xóm phải khám nghiệm lập biên bản và báo cáo cho Ủy ban hành chính xã Ủy ban hành chính xã quyết định việc cho phép mai táng và đăng ký tử.

Khi tình nghi án mạng hay có dịch tễ, UBHC phải báo cáo ngay lên UBHC huyện (Châu) để xét định. Nếu ở xa trụ sở UBHC huyện (Châu), thì UBHC xã lập biên bản, cho phép mai táng rồi báo cáo ngay lên UBHC huyện (Châu).

UBHC xã căn cứ vào biên bản khám tử để đăng ký.

Điều 6. — Trẻ em sinh ra chưa kịp khai sinh đã chết thì cha, mẹ, thân nhân phải báo cho trưởng xóm biết và được miễn khai sinh lần khai tử. Trưởng xóm ghi nhớ và báo cáo cho UBHC xã để thống kê.

MỤC III : KHAI KẾT HÔN

Điều 7. — Khi kết hôn phải khai với UBHC nơi người vợ hay người chồng đang cư trú để UBHC công nhận và đăng ký vào sổ khai kết hôn.

Nếu đôi vợ chồng đã đủ 18 tuổi trở lên thì hai người tự đến UBHC xã khai và ký vào sổ.

Nếu một trong hai người hoặc cả hai người chưa đủ 18 tuổi thì phải có cha mẹ hay giám hộ của người dưới 18 tuổi cùng đến khai và ký vào sổ.

Điều 8. — Vợ chồng đã ly hôn nay muốn kết hôn trở lại với nhau, cũng phải xin đăng ký như đã nói trong điều 7 và trong sổ khai kết hôn phải ghi rõ là kết hôn lại.

Điều 9. — UBHC xã, sau khi xét thấy đôi nam nữ có đủ điều kiện và bằng lòng lấy nhau thì công nhận cuộc hôn nhân và nhắc nhở đôi bên bổn phận làm vợ làm chồng rồi đăng ký vào sổ khai kết hôn.

MỤC IV: NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 10.— Việc đăng ký sinh, tử, kết hôn do Ủy ban Hành chính các cấp phụ trách. Ở khu, tỉnh, huyện, châu thì Chủ tịch phân công ủy viên phụ trách nội chính đảm nhiệm, có thư ký giúp việc.

Ở xã thì Phó Chủ tịch hoặc ủy viên nội chính phụ trách, có thư ký văn phòng ủy ban giúp việc biên chép.

Giấy chứng nhận, sổ sách hộ tịch do ủy viên phụ trách hộ tịch ký và đóng dấu ủy ban. Nếu đi vắng thì ủy quyền cho ủy viên thường trực ký thay.

Điều 11.— **Sổ sách:** Mỗi loại việc hộ tịch phải đăng ký vào mỗi thứ sổ riêng. Mỗi thứ sổ có hai quyển. Sổ và bản sao, in bằng quốc ngữ, chưa thêm chữ địa phương nếu có, và đúng với mẫu kèm theo bản điều lệ chung do nghị định số 764-TTg ngày 8-5-1956 của Thủ tướng phủ ban hành.

Cách ghi chép: Trong các sổ sách giấy tờ hộ tịch không được viết chữ tắt, không được tẩy xóa hoặc chữ nọ đè lên chữ kia, không được viết hai thứ mực. Ngày, tháng, năm sinh, tử, kết hôn không được viết bằng chữ số. Nếu có sửa chữa thì phải chú thích ở dưới là xóa hay thêm mấy chữ và do ủy viên phụ trách ký nhận.

Khi ghi chép xong, phải đọc lại cho người khai và người làm chứng nghe, nhận là đúng và ký tên, nếu không ký tên được thì không phải điểm chỉ, ông ủy viên phụ trách hộ tịch ghi là không biết chữ.

Cấp phát bản sao: Khi đăng ký xong, Ủy ban Hành chính cấp ngay một bản sao đầu tiên không lấy tiền.

Lưu trữ và bảo quản sổ sách: Đến cuối năm, sau khi khóa sổ, Ủy ban Hành chính xã giữ tại xã một quyển sổ còn một quyển thì gửi lên Ủy ban Hành chính cấp trên. Ở khu Tự trị Thái — Mèo thì gửi lên Ủy ban Hành chính châu, ở các nơi khác thì gửi lên Ủy ban Hành chính tỉnh. Những sổ này phải được bảo quản chu đáo và có ngăn nắp.

Điều 12.— Đối với những việc sinh, tử, kết hôn xảy ra trước hay sau ngày ban hành điều lệ này mà chưa đăng ký đúng hạn thì có thể xin đăng ký quá hạn. Nếu đã đăng ký rồi mà sổ sách giấy tờ bị thất lạc không xin được bản sao thì có thể xin đăng ký lại. Người đương sự xin đăng ký với Ủy ban Hành chính xã nơi hiện đang cư trú và phải có một người làm chứng hay một giấy chứng nhận do trưởng xóm cấp.

Ban hành kèm theo nghị định số 106-NV ngày 4 tháng 4 năm 1958.

Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

THÔNG TƯ số 30-NV-DC Ngày 14-4-1958 về việc thi hành điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản tại vùng dân tộc ít người.

Kinh gửi: U.B.H.C. Khu tự trị Việt bắc,
U.B.H.C. Khu tự trị Thái — Mèo,
Ban Cán sự Hành chính Lao — Hà — Yên,
U.B.H.C. Khu Hồng Quảng,
U.B.H.C. Khu 3,
U.B.H.C. Khu 4,
U.B.H.C. các tỉnh trong Khu Tự trị Việt bắc và Khu Lao — Hà — Yên,
U.B.H.C. tỉnh Hải Ninh, Hòa Bình, Thanh hóa, Nghệ an, Quảng bình,

Do nghị định số 106-NV ngày 4-4-1958, Bộ vừa ban hành bản điều lệ đăng ký hộ tịch đơn giản áp dụng tại vùng dân tộc ít người. Bản điều lệ này châm chước một số điều trong bản điều lệ đăng ký hộ tịch chung (đã được ban hành trước đây do nghị định của Thủ tướng phủ số 764-TTg ngày 8-5-1956) cho thích hợp với phong tục tập quán, trình độ của các dân tộc ít người. Những điểm châm chước chính như dưới đây:

1. — Thời hạn khai sinh cũng như khai tử được nới rộng là 45 ngày.

2. — Khi có việc sinh hay việc tử, nhân dân đến báo với trưởng xóm. Trưởng xóm sẽ thay mặt người đương sự đến U.B.H.C. xã xin đăng ký. Trường hợp ở gần trụ sở U.B.H.C., thì người đương sự trực tiếp khai báo và đăng ký với U.B.H.C. xã. Quy định như thế là để cho nhân dân khai báo được dễ dàng và khi có việc là đi khai ngay.

3. — Khi khai sinh, nếu là cha mẹ đứng khai thì không phải có giấy chứng sinh hay người làm chứng. Cả đến trường hợp thân nhân (như ông bà nội ngoại, chú, bác, cô, cậu, anh, chị ruột của đứa trẻ) đứng khai cũng được miễn giấy chứng sinh hoặc người làm chứng.

— Về khai tử, thì không quy định nguyên tắc phải xin phép mai táng và thời hạn xin phép mai táng mà chỉ yêu cầu rằng trước khi chôn cất phải đến báo với trưởng xóm để trưởng xóm đến U.B.H.C. xã xin đăng ký tử.

— Trong việc khai kết hôn, không quy định thủ tục phải báo trước 8 ngày. Khi nào thành vợ thành chồng, đôi nam nữ đến U.B.H.C. xã xin đăng ký. Nếu cả hai nam nữ đều trên 18 tuổi thì không buộc phải có hai người chứng cùng ký vào sổ khai kết hôn.

4. — Chưa quy định kỷ luật đối với người khai chậm.

Bộ nêu những điểm châm chước chính trên đây để giúp Ủy ban thấy được tinh thần đơn giản